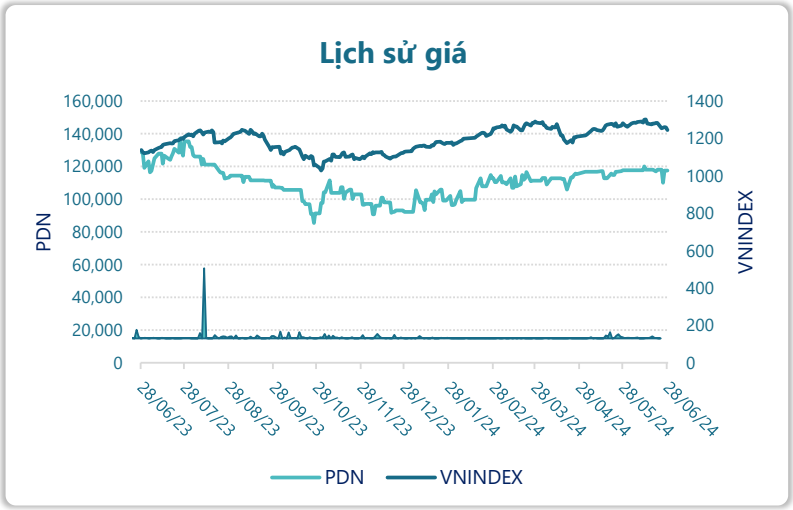
FireAnt

CTCP Cảng Đồng Nai (HSX: PDN)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**117,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	137,122
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	85,431
SL cổ phiếu LH	37,043,908
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,180
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,353
P/E	13.2
EPS	8,920

DT thuần

Q2/24

322

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.00| 2.8%

YoY: ▲ 17.0| 5.5%

LN sau thuế

Q2/24

84.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.50| -0.6%

YoY: ▲ 3.90| 4.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

33.8%

+/- YoY: ▼ 0.5%

DT thuần

6T 2024

635

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 103| 19.4%

LN sau thuế

6T 2024

169

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 35.0| 26.5%

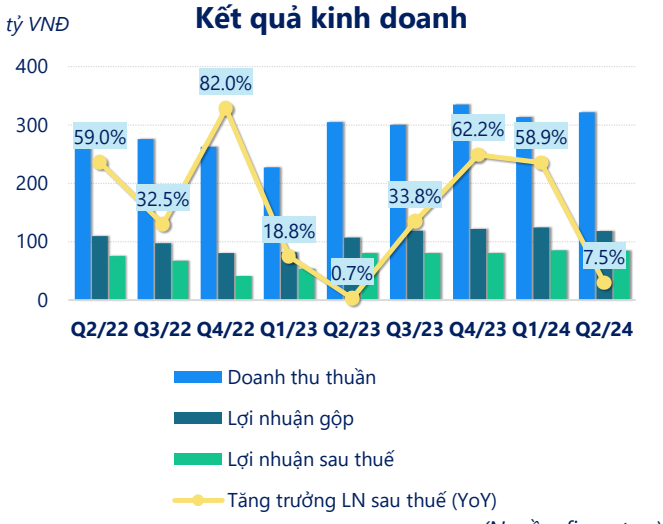
ROE

Q2/24

34.0%

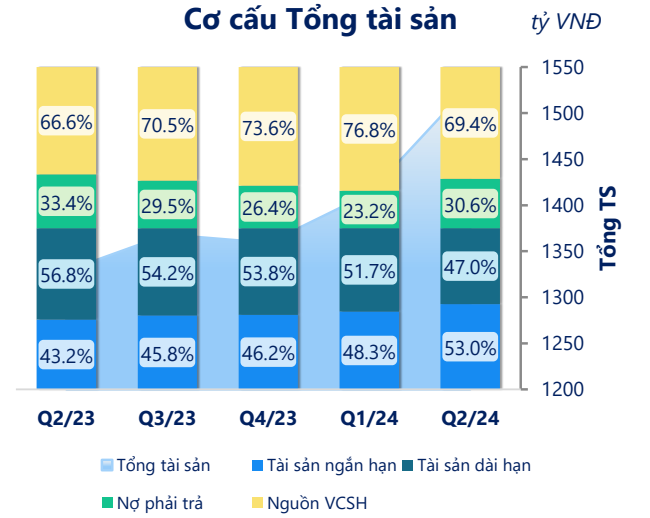
+/- YoY: ▲ 4.4%

Kết quả kinh doanh



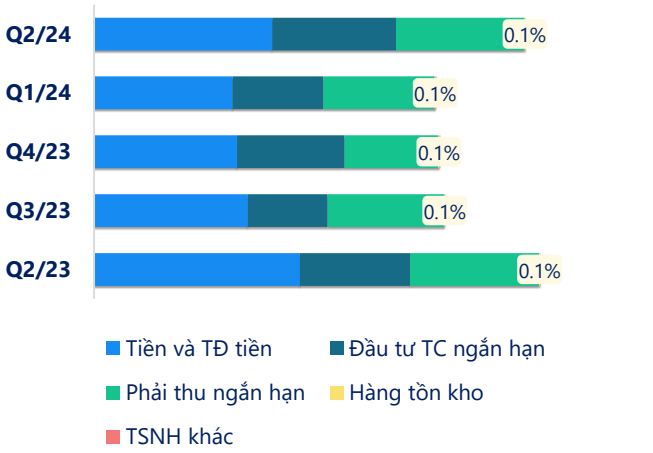
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



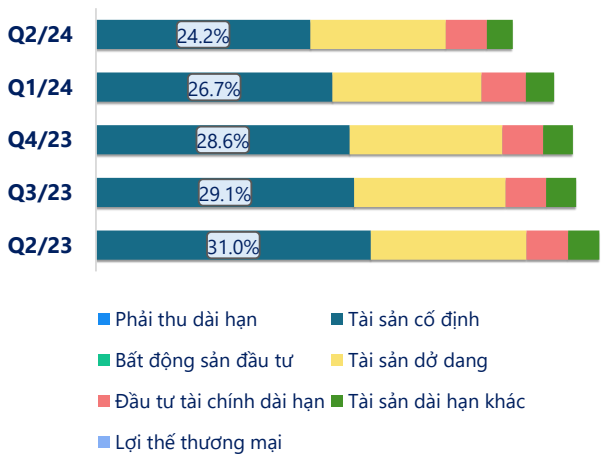
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



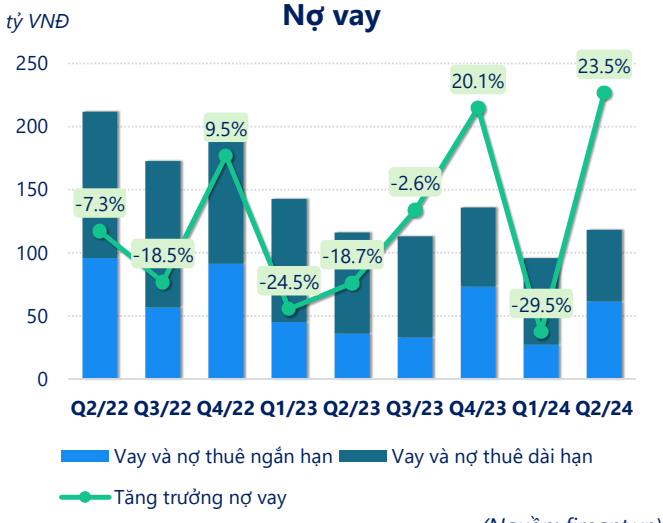
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



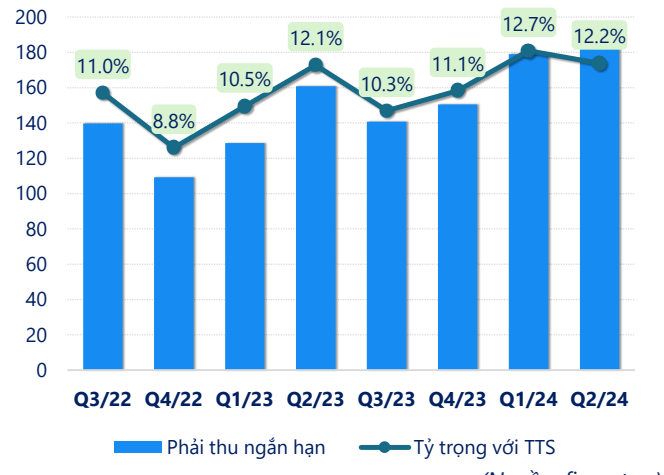
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



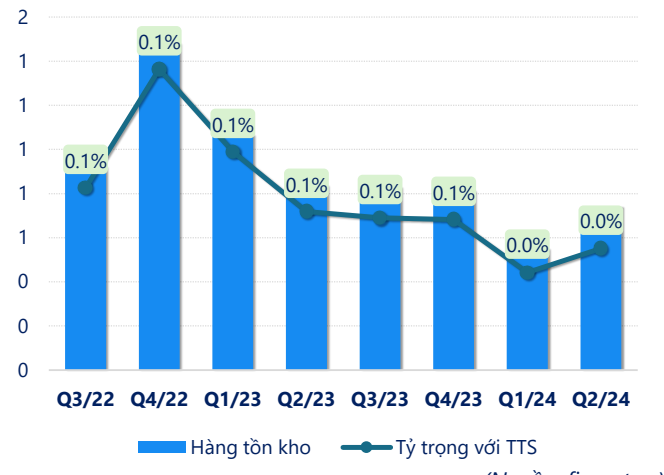
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



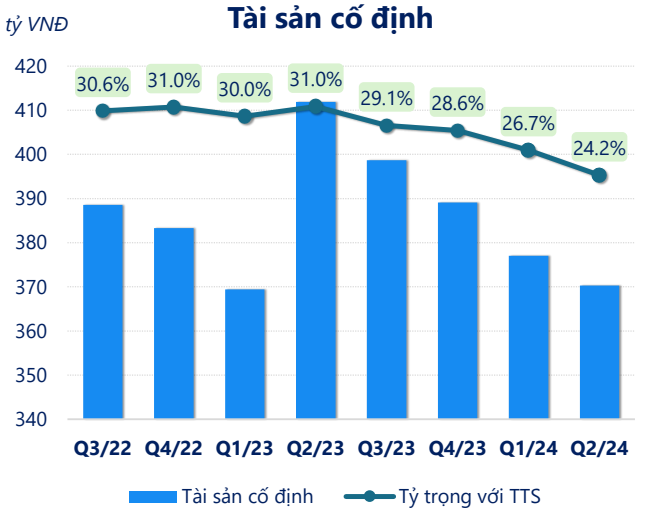
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



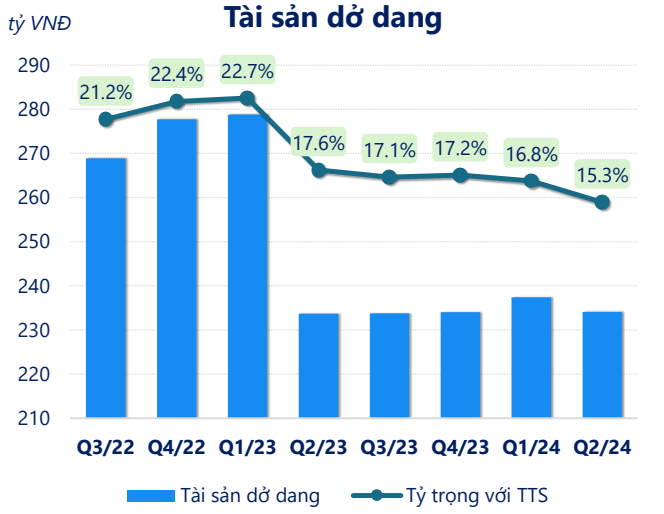
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



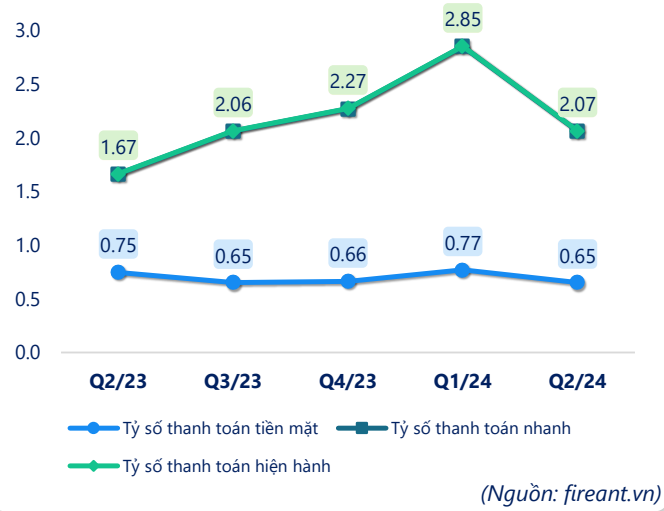
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



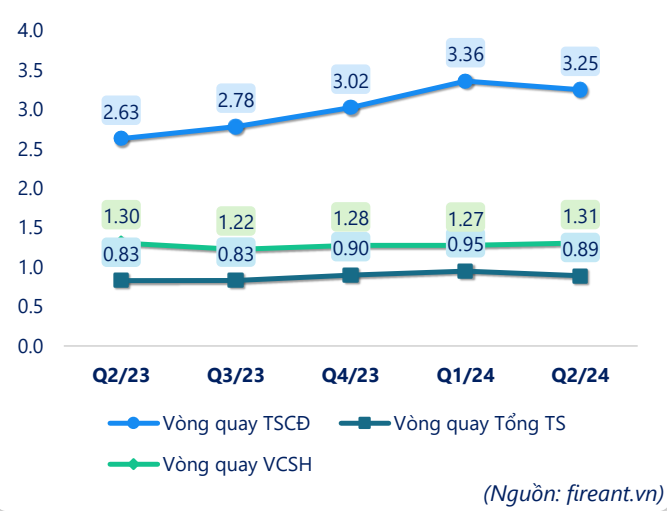
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**1,329**	**1,368**	**1,359**	**1,413**	**1,531**
Tài sản ngắn hạn	**574**	**627**	**628**	**682**	**811**
Tiền và tương đương tiền	257	198	183	184	256
Đầu tư tài chính ngắn hạn	155	285	290	317	362
Phải thu ngắn hạn	161	141	151	179	186
Hàng tồn kho	0.83	0.83	0.81	0.55	0.74
Tài sản ngắn hạn khác	0.52	2.51	3.77	1.45	5.33
Tài sản dài hạn	**755**	**741**	**731**	**731**	**720**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	412	399	389	377	370
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	234	234	234	237	234
Đầu tư tài chính dài hạn	62.6	62.6	62.6	71.0	71.0
Tài sản dài hạn khác	46.4	46.4	45.6	45.2	44.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**444**	**403**	**358**	**327**	**469**
Nợ ngắn hạn	**345**	**304**	**276**	**239**	**392**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	35.8	32.8	73.0	27.0	61.4
Phải trả người bán ngắn hạn	126	109	80.7	95.9	108
Nợ dài hạn	99.9	99.9	82.4	88.2	76.4
Vay và nợ thuê dài hạn	80.3	80.3	62.8	68.7	56.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	**884**	**965**	**1,001**	**1,085**	**1,062**
Vốn chủ sở hữu	**884**	**965**	**1,001**	**1,085**	**1,062**
Vốn điều lệ	185	370	370	370	370
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)